TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ VÕ
TỈNH BẮC NINH

- Bản án số: 06 /2018/DS-ST
- Ngày: 29/ 6/2018.
- V/v: Đòi tài sản.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NỀN ÓC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ- TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Hoàng Ngọc Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Hãn.

2. Ông Nguyễn Thế Sách.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Huy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Võ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ *tham gia phiên toà:*

Ông Đặng Thanh Minh -Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Võ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2018/TLST- DS ngày 24 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/ 2018/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1960. Có mặt.

Anh Phùng Văn K, sinh năm 1990, ủy quyền cho bà Đ.

Địa chỉ: Huề Đ, Đại L, Gia B, Bắc N.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968. …….mặt.

Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1968. …….mặt.

Địa chỉ: Thịnh Lai, Đức Long, Quế Võ, Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn là bà Đ trình bày tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa:

Tôi giữ nguyên yêu cầu và phạm vi khởi kiện, không sửa đổi, thay đổi hay rút yêu cầu khởi kiện. Tôi cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác. Tôi và vợ chồng ông T có quan hệ quen biết với nhau. Ngày 21/3/2011 âm lịch, tức 23/4/2011 dương lịch, vợ chồng ông T có vay mẹ con tôi số tiền là 175.000.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn). Con tôi tên là Phùng Văn K, sinh năm 1990 ở cùng địa chỉ với tôi. Hiện cháu Kiêm đã ủy quyền toàn bộ cho tôi tham gia giải quyết vụ án này ở Tòa án. Khi vay vợ chồng ông T có viết giấy vay tiền và cả hai vợ chồng ông T đều ký ghi rõ họ tên ở phần người vay. Khi vay hai bên có thỏa thuận ghi trong giấy vay nợ là lãi xuất 02% một tháng, thời hạn vay là hai năm. Lãi trả hàng tháng, còn gốc sau hai năm phải trả. Quá trình vay hàng tháng tôi sang đòi tiền lãi thì vợ chồng ông T đều khất, nói là chưa có và đưa ra một loạt khó khăn. Vợ chồng ông T nói với tôi là đất nhà ông T đã vào dự án làm đường, khi nào được đền bù thì vợ chồng ông T trả tôi. Tôi

cũng rất thông cảm và chờ từ đó đến nay, nhưng vợ chồng ông T vẫn không trả. Tháng 10/2017 tôi có sang để xem đất nhà ông T đã được đền bù chưa, thì vợ chồng ông T nói đã được đền bù tất cả được sáu trăm bẩy mươi triệu đồng, nhưng chưa rút về. Vợ chồng ông T chỉ tạm trả tôi 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn), hẹn một tháng sau sẽ trả nốt tôi. Ngày 05/11/2017, sau một tháng tôi đòi thì vợ chồng ông T nói là đã làm nhà hết tiền rồi không trả tôi được. Nên tôi không nhất trí cho vợ chồng ông T khất nữa và quyết định kiện vợ chồng ông T ra Tòa. Cụ thể tôi yêu cầu vợ chồng ông T phải trả cho mẹ con tôi số tiền vay nợ gốc còn lại là 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn). Về lãi xuất mẹ con bà không yêu cầu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho hai bên, vợ chồng ông T trình bày là hoàn cảnh kinh tế khó khăn, hiện nợ nần nhiều. Nên tôi cũng thông cảm cho vợ chồng ông T và nhất trí cho vợ chồng ông T trả dần. Cụ thể tôi nhất trí phương thức vợ chồng ông T phải trả số tiền trên cho mẹ con tôi trong vòng ba năm, cụ thể như sau: Ngày 20/11/2018 trả 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn). Ngày 20/11/2019 trả 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng chẵn). Ngày 20/11/2020 trả nốt 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng chẵn). Nếu vợ chồng ông T và bà B không trả đúng thỏa thuận trên, thì mẹ con tôi có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền vợ chồng ông T và bà B còn phải trả cho mẹ con tôi. Về án phí: Mẹ con tôi và vợ chồng ông T, bà B mỗi bên phải chịu một nửa theo quy định của pháp luật.

Nhưng khi Tòa án lập biên bản hòa giải thì ông T bỏ về không ký.

Nên tại phiên tòa tôi yêu cầu vợ chồng ông T phải trả tôi một lần toàn bộ số tiền trên.

Ngoài ra tôi không trình bày và yêu cầu gì khác.

Theo bị đơn là vợ chồng ông T bà B trình bày trong biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải (và tại phiên tòa):

Vợ chồng tôi đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Vợ chồng tôi đã được biết yêu cầu khởi kiện của mẹ con bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1960 và anh Phùng Văn K, sinh năm 1990, địa chỉ: Huề Đông, Đại Lai, Gia B, Bắc Ninh kiện đòi tôi số tiền vay nợ còn lại là 155.000.000đ (Một trăm lăm mươi năm triệu đồng chẵn). Quan điểm của vợ chồng tôi là nhất trí trả cho mẹ con bà Đ số tiền trên. Nhưng vợ chồng tôi hiện giờ kinh tế khó khăn, còn vay nợ nhiều chỗ nên không trả được cả một lúc mà chúng tôi xin trả dần. Phương thức trả làm ba lần như sau: Ngày 20/11/2018 trả 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn). Ngày 20/11/2019 trả 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng chẵn). Ngày 20/11/2020 trả nốt 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng chẵn). Nếu vợ chồng tôi không trả đúng thỏa thuận trên, thì mẹ con bà Đ có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền vợ chồng tôi còn phải trả cho mẹ con bà Đ.

Ngoài ra vợ chồng ông T không trình bày và yêu cầu gì khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của những ng- ời tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Tất cả đều đã đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Việc mẹ con bà Đ cho vợ chồng ông T vay 175.000.000đ từ ngày 23/4/2011 là có căn cứ. Khi vay vợ chồng ông T có viết giấy vay nợ và cả hai vợ chồng ông T đều ký nhận vay số tiền trên. Quá trình vay vợ chồng ông T mới trả được mẹ con bà Đ 20.000.000đ, còn nợ 155.000.000đ. Vợ chồng ông T cũng thừa nhận còn nợ mẹ con bà Đ số tiền trên trong biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải tại Tòa án. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều (275, 463, 466, 468)- Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông T phải trả cho mẹ con bà Đ số tiền vay nợ gốc còn lại là 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn). Vợ chồng ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về việc tiến hành tố tụng của vụ án: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi, giao thông báo thụ lý vụ án cho vợ chồng ông T. Quá trình giải quyết Tòa án đã giao giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng không hòa giải thành. Tòa án đã làm thủ tục quyết định đưa vụ án ra xét xử. Sau đó đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa hai lần cho vợ chồng ông T, nhưng vợ chồng ông T vẫn không đến Tòa án để tham gia phiên tòa. Nên Tòa án đã xét xử vắng mặt vợ chồng ông T theo quy định cuả pháp luật.

Về nội dung của vụ án: Bà Đ và vợ chồng ông T có quan hệ với nhau từ trước. Ngày 21/3/2011 âm lịch, tức 23/4/2011 dương lịch, vợ chồng ông T có vay mẹ con bà Đ số tiền là 175.000.000đ (Một trăm bẩy mươi lăm triệu đồng chẵn). Khi vay vợ chồng ông T có viết giấy vay tiền và cả hai vợ chồng ông T đều ký ghi rõ họ tên ở phần người vay. Khi vay hai bên có thỏa thuận ghi trong giấy vay nợ là lãi xuất 02% một tháng, thời hạn vay là hai năm. Lãi trả hàng tháng, còn gốc sau hai năm phải trả. Quá trình vay hàng tháng bà Đ có sang đòi tiền lãi thì vợ chồng ông T đều khất, nói là chưa có và đưa ra một loạt khó khăn. Vợ chồng ông T nói với bà Đ là đất nhà ông T đã vào dự án làm đường, khi nào được đền bù thì vợ chồng ông T trả bà Đ. Bà Đ cũng rất thông cảm và chờ từ đó đến nay, nhưng vợ chồng ông T vẫn không trả. Tháng 10/2017 bà Đ có sang để xem đất nhà ông T đã được đền bù chưa, thì vợ chồng ông T nói đã được đền bù

tất cả được sáu trăm bẩy mươi triệu đồng, nhưng chưa rút về. Vợ chồng ông T chỉ tạm trả bà Đ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn), hẹn một tháng sau sẽ trả nốt. Ngày 05/11/2017, sau một tháng bà Đ đòi thì vợ chồng ông T nói là đã làm nhà hết tiền rồi không trả được. Nên bà Đ không nhất trí cho vợ chồng ông T khất nữa và quyết định kiện vợ chồng ông T ra Tòa. Yêu cầu vợ chồng ông T phải trả cho mẹ con bà Đ số tiền vay nợ gốc còn lại là 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn). Về lãi xuất mẹ con bà Đ không yêu cầu.

Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của mẹ con bà Đ, buộc vợ chồng ông T phải trả cho mẹ con bà Đ số tiền vay nợ gốc còn lại là 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn). Vợ chồng ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả cho mẹ con bà Đ số tiền tạm ứng án phí ……đ theo biên lai số …….. ngày 24 tháng 01 năm 2018của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều (275, 463, 466, 468)- Bộ luật dân sự; Điều 235, 144, 147, 271, 273- Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án:

Xử: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B phải trả cho mẹ con bà Nguyễn Thị Đ và anh Phùng Văn K số tiền vay nợ gốc còn lại là 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của mẹ con bà Đ, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng vợ chồng ông T còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi xuất thỏa thuận theo Khoản 1, Điều 468, Bộ luật dân sự. Nếu không thỏa thuận được thì theo Khoản 2, Điều 468, Bộ luật dân sự, t- ơng ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo qui định tại Điều 2- Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9- Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông T phải chịu 7.750.000đ (Bầy triệu bẩy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn). Trả cho mẹ con bà Đ số tiền tạm ứng án phí ……đ theo biên lai số …….. ngày 24 tháng 01 năm 2018của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Mẹ con bà Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vợ chồng ông T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh.
- VKSND tỉnh, huyện.
- Thi hành án.
- Các đ- ơng sự.
- L- u hồ sơ, VP.

Hoàng Ngọc Sơn